

Số: /TB-THCS&THPT QL

Hạ Long, ngày 10 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO CÔNG KHAI

Số lượng đối tượng, kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên cấp phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024 – 2025 theo quy định tại Nghị quyết 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Quyết định số 75/QĐ-SGDĐT ngày 28/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc phê duyệt số lượng đối tượng, kinh phí hỗ trợ học phí cho trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên cấp phổ thông hưởng chính sách hỗ trợ học phí học kỳ I và học kỳ II năm học 2024 – 2025 theo quy định tại Nghị quyết 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Trường THCS&THPT Quảng La tổ chức công khai danh sách học sinh và kinh phí hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2024 – 2025 theo quy định tại Nghị quyết 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

(có danh sách kèm theo)

Địa điểm công khai: Bảng tin và website của trường THCS&THPT Quảng La.

Thời gian niêm yết công khai tại bảng tin: 30 ngày, từ ngày 10/4/2025 đến hết ngày 09/5/2025.

Trong thời gian niêm yết, đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh theo dõi, giám sát nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản về Ban thanh tra nhân dân của nhà trường (qua đ/c Trương Tuấn Anh - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV trường THCS&THPT Quảng La;
- CMHS trường THCS&THPT Quảng La;
- Học sinh trường THCS&THPT Quảng La;
- Lưu VT.

Bản điện tử:

- Công thông tin điện tử;
- Website: <https://thcs-thptquangla.edu.vn>

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Kim Thu

DANH SÁCH HỌC SINH

Hưởng tiền hỗ trợ học phí Học kỳ II năm học 2024 - 2025 theo quy định tại Nghị quyết 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của HĐND tỉnh

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
I	HỌC SINH THCS				18.975.000	
1	Nguyễn Hoài An	6A	5	15.000	75.000	
2	Vũ Thị Vân Anh	6A	5	15.000	75.000	
3	Trần Khánh Chi	6A	5	15.000	75.000	
4	Bùi Mạnh Cường	6A	5	15.000	75.000	
5	Ngô Dương Dương	6A	5	15.000	75.000	
6	Tạ Thành Đạt	6A	5	15.000	75.000	
7	Trần Minh Đạt	6A	5	15.000	75.000	
8	Đặng Hải Đăng	6A	5	15.000	75.000	
9	Ngô Trí Đức	6A	5	15.000	75.000	
10	Lý Thúy Sơn Hà	6A	5	15.000	75.000	
11	Nguyễn Thu Hà	6A	5	15.000	75.000	
12	Trương Minh Hằng	6A	5	15.000	75.000	
13	Khúc Trần Ngọc Hân	6A	5	15.000	75.000	
14	Đặng Văn Hiền	6A	5	15.000	75.000	
15	Bàn Thiên Hương	6A	5	15.000	75.000	
16	Hoàng Minh Hữu	6A	5	15.000	75.000	
17	Lý Thị Khai	6A	5	15.000	75.000	
18	Vũ Đăng Khoa	6A	5	15.000	75.000	
19	Ngọc Phương Linh	6A	5	15.000	75.000	
20	Lý Đức Min	6A	5	15.000	75.000	
21	Trương Quang Minh	6A	5	15.000	75.000	
22	Vũ Hoàng Minh	6A	5	15.000	75.000	
23	Nguyễn Thảo My	6A	5	15.000	75.000	
24	Trần Đức Nam	6A	5	15.000	75.000	
25	Trần Hoàng Nam	6A	5	15.000	75.000	
26	Lý Văn Năng	6A	5	15.000	75.000	
27	Lý Ánh Kim Ngọc	6A	5	15.000	75.000	
28	Ngô Bảo Nhi	6A	5	15.000	75.000	
29	Trần Yến Nhi	6A	5	15.000	75.000	
30	Trương Linh Nhi	6A	5	15.000	75.000	
31	Lý Văn Phát	6A	5	15.000	75.000	
32	Đỗ Minh Phúc	6A	5	15.000	75.000	
33	Ngô Thị Lan Phương	6A	5	15.000	75.000	
34	Trương Thị Mai Phương	6A	5	15.000	75.000	
35	Đặng Minh Phước	6A	5	15.000	75.000	
36	Nguyễn Nhật Quân	6A	5	15.000	75.000	
37	Trần Thị Phương Thanh	6A	5	15.000	75.000	
38	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	6A	5	15.000	75.000	



TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
39	Bàn Văn Thiện	6A	5	15.000	75.000	
40	Bàn Quốc Thịnh	6A	5	15.000	75.000	
41	Hà Lê Mỹ Trà	6A	5	15.000	75.000	
42	Phạm Đức Trung	6A	5	15.000	75.000	
43	Liêu Quảng Trường	6A	5	15.000	75.000	
44	Vũ Song Vũ	6A	5	15.000	75.000	
45	Trần Nguyễn Thảo Vy	6A	5	15.000	75.000	
46	NGUYỄN NGỌC BẢO AN	7A1	5	15.000	75.000	
47	BÙI ĐÌNH HẢI ANH	7A1	5	15.000	75.000	
48	NGỌC VÂN ANH	7A1	5	15.000	75.000	
49	TRƯƠNG VIỆT ANH	7A1	5	15.000	75.000	
50	NGUYỄN NGỌC BẢO CHÂU	7A1	5	15.000	75.000	
51	ĐỖ HOÀNG CÚC	7A1	5	15.000	75.000	
52	LIÊU NGỌC DIỆP	7A1	5	15.000	75.000	
53	BÙI TUẤN ĐẠT	7A1	5	15.000	75.000	
54	NGUYỄN MINH ĐỨC	7A1	5	15.000	75.000	
55	NGUYỄN LƯƠNG GIANG	7A1	5	15.000	75.000	
56	ĐẶNG PHÚC HẢI	7A1	5	15.000	75.000	
57	NGÔ MINH HIỀN	7A1	5	15.000	75.000	
58	ĐÌNH TRỌNG HIẾU	7A1	5	15.000	75.000	
59	NGUYỄN THU HOÀI	7A1	5	15.000	75.000	
60	GÌ VĂN HUÂN	7A1	5	15.000	75.000	
61	TRẦN NGỌC HUY	7A1	5	15.000	75.000	
62	TRƯƠNG KHÁNH HÙNG	7A1	5	15.000	75.000	
63	BÀN VĂN KHÁNH	7A1	5	15.000	75.000	
64	LIÊU MINH KHUÊ	7A1	5	15.000	75.000	
65	BÙI NGỌC LINH	7A1	5	15.000	75.000	
66	ĐẶNG HOÀNG LONG	7A1	5	15.000	75.000	
67	LÂM BẢO LONG	7A1	5	15.000	75.000	
68	NGUYỄN THỊ THẢO LY	7A1	5	15.000	75.000	
69	ĐÀO BẢO NAM	7A1	5	15.000	75.000	
70	LƯƠNG VĂN NAM	7A1	5	15.000	75.000	
71	TRẦN BÍCH NGÂN	7A1	5	15.000	75.000	
72	ĐÌNH TRỌNG NGHĨA	7A1	5	15.000	75.000	
73	LÝ MINH NHẬT	7A1	5	15.000	75.000	
74	TẠ THỊ YẾN NHI	7A1	5	15.000	75.000	
75	HOÀNG THANH PHÚ	7A1	5	15.000	75.000	
76	HOÀNG NGỌC SƠN	7A1	5	15.000	75.000	
77	ĐẶNG MINH THÀNH	7A1	5	15.000	75.000	
78	GIÁP PHƯƠNG THẢO	7A1	5	15.000	75.000	
79	NGÔ PHƯƠNG THẢO	7A1	5	15.000	75.000	
80	PHẠM QUỲNH TRÂM	7A1	5	15.000	75.000	
81	NGUYỄN VŨ BẢO TRÂN	7A1	5	15.000	75.000	
82	NGỌC ĐỨC TRUNG	7A1	5	15.000	75.000	
83	TRƯƠNG VĨNH TƯỜNG	7A1	5	15.000	75.000	
84	NGUYỄN BẢO UYÊN	7A1	5	15.000	75.000	
85	GIÁP ĐÌNH VĂN	7A1	5	15.000	75.000	
86	PHẠM PHƯƠNG VY	7A1	5	15.000	75.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
87	TRƯƠNG THỊ KHÁNH VY	7A1	5	15.000	75.000	
88	LÝ BÌNH AN	7A2	5	15.000	75.000	
89	TRẦN QUỐC AN	7A2	5	15.000	75.000	
90	NGUYỄN DUY ANH	7A2	5	15.000	75.000	
91	VŨ HOÀNG HẢI BĂNG	7A2	5	15.000	75.000	
92	TRƯƠNG NGỌC CHÂU	7A2	5	15.000	75.000	
93	TRIỆU THỊ KIỀU CHINH	7A2	5	15.000	75.000	
94	ĐẶNG MINH CƯỜNG	7A2	5	15.000	75.000	
95	TRẦN QUỐC CƯỜNG	7A2	5	15.000	75.000	
96	VŨ NGỌC DIỄM	7A2	5	15.000	75.000	
97	TRẦN ĐỨC DUY	7A2	5	15.000	75.000	
98	NGUYỄN NGỌC DƯƠNG	7A2	5	15.000	75.000	
99	ĐẶNG VĂN ĐẠT	7A2	5	15.000	75.000	
100	LÝ MINH ĐỨC	7A2	5	15.000	75.000	
101	HOÀNG THU HÀ	7A2	5	15.000	75.000	
102	VŨ BUI QUẢNG HƯNG	7A2	5	15.000	75.000	
103	TRƯƠNG VĂN KHÁNH	7A2	5	15.000	75.000	
104	NGỌC ĐĂNG KHOA	7A2	5	15.000	75.000	
105	ĐẶNG TRUNG KIÊN	7A2	5	15.000	75.000	
106	LƯƠNG TRUNG KIÊN	7A2	5	15.000	75.000	
107	CHU TUẤN KIẾT	7A2	5	15.000	75.000	
108	NGỌC MỸ LINH	7A2	5	15.000	75.000	
109	ĐẶNG DUY LONG	7A2	5	15.000	75.000	
110	ĐẶNG PHI LONG	7A2	5	15.000	75.000	
111	NGỌC CHẤN LONG	7A2	5	15.000	75.000	
112	TRƯƠNG THỊ TRÀ MY	7A2	5	15.000	75.000	
113	BUI MINH NGỌC	7A2	5	15.000	75.000	
114	NGUYỄN MINH NGỌC	7A2	5	15.000	75.000	
115	HOÀNG TRẦN LINH NHI	7A2	5	15.000	75.000	
116	ĐINH THỊ HỒNG QUYÊN	7A2	5	15.000	75.000	
117	GIÁP PHÚ QUÝ	7A2	5	15.000	75.000	
118	LÝ BỘI SANG	7A2	5	15.000	75.000	
119	ĐẶNG MINH TÂM	7A2	5	15.000	75.000	
120	HOÀNG TIẾN THÀNH	7A2	5	15.000	75.000	
121	TRƯƠNG THỊ THỦY	7A2	5	15.000	75.000	
122	TRƯƠNG HOÀI THƯƠNG	7A2	5	15.000	75.000	
123	ĐẶNG BẢO THY	7A2	5	15.000	75.000	
124	ĐẶNG THỦY TRÂM	7A2	5	15.000	75.000	
125	NGÔ THANH TRÚC	7A2	5	15.000	75.000	
126	NGUYỄN QUANG TRƯỜNG	7A2	5	15.000	75.000	
127	NGÔ ANH TUẤN	7A2	5	15.000	75.000	
128	ĐẶNG THANH TUYỀN	7A2	5	15.000	75.000	
129	TRẦN NGỌC MINH VƯƠNG	7A2	5	15.000	75.000	
130	PHẠM HÀ VY	7A2	5	15.000	75.000	
131	TRƯƠNG THỊ HÀ VY	7A2	5	15.000	75.000	
132	NGUYỄN TIẾN CƯỜNG	8A1	5	15.000	75.000	
133	TRƯƠNG HỮU DUỆ	8A1	5	15.000	75.000	
134	NGUYỄN KHÁNH DUY	8A1	5	15.000	75.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
135	ĐẶNG THỊ ÁNH DƯƠNG	8A1	5	15.000	75.000	
136	LÝ QUỐC DƯƠNG	8A1	5	15.000	75.000	
137	NGUYỄN ÁNH DƯƠNG	8A1	5	15.000	75.000	
138	ĐẶNG TRƯỜNG GIANG	8A1	5	15.000	75.000	
139	LÝ VĂN GIÁP	8A1	5	15.000	75.000	
140	KHÚC HUY HOÀNG	8A1	5	15.000	75.000	
141	LINH TÀI HUY	8A1	5	15.000	75.000	
142	TRƯƠNG ANH KIẾT	8A1	5	15.000	75.000	
143	LÝ LƯU LINH	8A1	5	15.000	75.000	
144	NGÔ PHƯƠNG LINH	8A1	5	15.000	75.000	
145	TRẦN PHƯƠNG LINH	8A1	5	15.000	75.000	
146	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI	8A1	5	15.000	75.000	
147	NGUYỄN HẢI NAM	8A1	5	15.000	75.000	
148	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	8A1	5	15.000	75.000	
149	BÀN THỊ LINH NHI	8A1	5	15.000	75.000	
150	LÝ TUYẾT NHI	8A1	5	15.000	75.000	
151	LÊ TUẤN PHONG	8A1	5	15.000	75.000	
152	LÊ HỮU PHƯỚC	8A1	5	15.000	75.000	
153	TRƯƠNG VINH QUANG	8A1	5	15.000	75.000	
154	TRIỆU HỮU TÀI	8A1	5	15.000	75.000	
155	NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO	8A1	5	15.000	75.000	
156	NGUYỄN MẠNH THẮNG	8A1	5	15.000	75.000	
157	ĐẶNG MINH THÔNG	8A1	5	15.000	75.000	
158	NGUYỄN THỊ ANH THƯ	8A1	5	15.000	75.000	
159	PHẠM XUÂN TÌNH	8A1	5	15.000	75.000	
160	TRƯƠNG QUỐC TRỊNH	8A1	5	15.000	75.000	
161	GIÁP ĐẠI TRƯỜNG	8A1	5	15.000	75.000	
162	NGUYỄN THANH TÙNG	8A1	5	15.000	75.000	
163	PHẠM TUẤN VIỆT	8A1	5	15.000	75.000	
164	NGỌC HÀ VY	8A1	5	15.000	75.000	
165	TRẦN THỊ LAN ANH	8A2	5	15.000	75.000	
166	ĐẶNG MINH CHÂU	8A2	5	15.000	75.000	
167	NGÔ THỊ ÁNH DƯƠNG	8A2	5	15.000	75.000	
168	BÀN HẢI ĐĂNG	8A2	5	15.000	75.000	
169	PHẠM HOÀNG HẢI ĐĂNG	8A2	5	15.000	75.000	
170	TRƯƠNG VĂN ĐỒNG	8A2	5	15.000	75.000	
171	NGUYỄN TRUNG HIỂU	8A2	5	15.000	75.000	
172	TRƯƠNG THẾ HIỀN	8A2	5	15.000	75.000	
173	NGUYỄN NGỌC HOA	8A2	5	15.000	75.000	
174	NGUYỄN THỊ THANH HOA	8A2	5	15.000	75.000	
175	LƯƠNG HUY HOÀNG	8A2	5	15.000	75.000	
176	PHẠM VIỆT HOÀNG	8A2	5	15.000	75.000	
177	TRẦN KHÁNH HUYỀN	8A2	5	15.000	75.000	
178	TRƯƠNG THÁI HÙNG	8A2	5	15.000	75.000	
179	NGUYỄN TRUNG KIÊN	8A2	5	15.000	75.000	
180	HOÀNG THỊ HOA LÊ	8A2	5	15.000	75.000	
181	PHẠM THỦY LINH	8A2	5	15.000	75.000	
182	TRƯƠNG THÀNH LONG	8A2	5	15.000	75.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
183	ĐẶNG QUỐC MỪNG	8A2	5	15.000	75.000	
184	PHẠM THỊ THẢO NGUYÊN	8A2	5	15.000	75.000	
185	BÀN MINH NHẬT	8A2	5	15.000	75.000	
186	NGỌC THIÊN PHÚ	8A2	5	15.000	75.000	
187	BÙI MAI PHƯƠNG	8A2	5	15.000	75.000	
188	NGUYỄN THẾ QUYỀN	8A2	5	15.000	75.000	
189	TRẦN THANH SƠN	8A2	5	15.000	75.000	
190	ĐẶNG THÀNH TẤN	8A2	5	15.000	75.000	
191	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	8A2	5	15.000	75.000	
192	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO	8A2	5	15.000	75.000	
193	NGUYỄN TẤT THẮNG	8A2	5	15.000	75.000	
194	NGUYỄN MAI THỦY	8A2	5	15.000	75.000	
195	BÙI TRAI TRẮNG	8A2	5	15.000	75.000	
196	TRIỆU KIM DUY TÙNG	8A2	5	15.000	75.000	
197	VŨ KHÁNH VY	8A2	5	15.000	75.000	
198	NGÔ THỊ NHƯ Ý	8A2	5	15.000	75.000	
199	TRƯƠNG HOÀI ANH	9A1	5	15.000	75.000	
200	TRIỆU THỦY CHÂM	9A1	5	15.000	75.000	
201	LƯƠNG HÀ CHI	9A1	5	15.000	75.000	
202	VŨ YẾN CHI	9A1	5	15.000	75.000	
203	ĐỖ MING CHIẾN	9A1	5	15.000	75.000	
204	LIÊU NHẬT CƯỜNG	9A1	5	15.000	75.000	
205	TRẦN MINH ĐỨC	9A1	5	15.000	75.000	
206	GIÁP ĐẠI HẢI	9A1	5	15.000	75.000	
207	TRƯƠNG VĂN HẢI	9A1	5	15.000	75.000	
208	TRIỆU NGỌC HÂN	9A1	5	15.000	75.000	
209	TRƯƠNG NGỌC HÂN	9A1	5	15.000	75.000	
210	TRẦN MẠNH HÙNG	9A1	5	15.000	75.000	
211	NGUYỄN TUẤN HÙNG	9A1	5	15.000	75.000	
212	HOANG AN KHÁNH	9A1	5	15.000	75.000	
213	VŨ DUY KHOA	9A1	5	15.000	75.000	
214	ĐẶNG THỊ THÙY LINH	9A1	5	15.000	75.000	
215	NGUYỄN HÀ MY	9A1	5	15.000	75.000	
216	TRỊNH KIỀU MY	9A1	5	15.000	75.000	
217	BÙI NGUYỆT NGA	9A1	5	15.000	75.000	
218	ĐOÀN THANH NGOAN	9A1	5	15.000	75.000	
219	NGUYỄN HỒNG NGỌC	9A1	5	15.000	75.000	
220	LÝ GIA NHƯ	9A1	5	15.000	75.000	
221	TROWNG ĐẠI PHÚ	9A1	5	15.000	75.000	
222	VŨ TUẤN PHÚC	9A1	5	15.000	75.000	
223	ĐẶNG VĂN TÂM	9A1	5	15.000	75.000	
224	ĐÀM QUANG THANH	9A1	5	15.000	75.000	
225	DƯƠNG ANH THƯ	9A1	5	15.000	75.000	
226	BÙI HIẾU VŨ	9A1	5	15.000	75.000	
227	NGUYỄN QUỲNH ANH	9A2	5	15.000	75.000	
228	NGUYỄN THẾ ANH	9A2	5	15.000	75.000	
229	TRƯƠNG ĐẠI CÁT	9A2	5	15.000	75.000	
230	PHẠM XUÂN CẢNH	9A2	5	15.000	75.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
231	LINH THỊ CHI	9A2	5	15.000	75.000	
232	NGỌC ÁNH CHI	9A2	5	15.000	75.000	
233	NGUYỄN THÊ CƯỜNG	9A2	5	15.000	75.000	
234	NGUYỄN QUỐC DŨNG	9A2	5	15.000	75.000	
235	TRẦN YẾN GIANG	9A2	5	15.000	75.000	
236	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	9A2	5	15.000	75.000	
237	TỬ MINH HIỆU	9A2	5	15.000	75.000	
238	BÀN VĂN HOÀNG	9A2	5	15.000	75.000	
239	LÝ THỊ MAI HỒNG	9A2	5	15.000	75.000	
240	LƯƠNG THỊ NGỌC MAI	9A2	5	15.000	75.000	
241	CÁI HOÀNG MẠNH	9A2	5	15.000	75.000	
242	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	9A2	5	15.000	75.000	
243	LINH TÀI NGUYÊN	9A2	5	15.000	75.000	
244	LÊ LÂM PHONG	9A2	5	15.000	75.000	
245	CHU THANH TÂM	9A2	5	15.000	75.000	
246	LÝ THỊ THAO	9A2	5	15.000	75.000	
247	ĐẶNG HẢI TIẾN	9A2	5	15.000	75.000	
248	HOÀNG ĐÌNH TRUNG	9A2	5	15.000	75.000	
249	ĐẶNG THỊ MINH TUYẾT	9A2	5	15.000	75.000	
250	LƯƠNG ĐOÀN ÁNH TUYẾT	9A2	5	15.000	75.000	
251	LINH ĐỨC TƯỜNG	9A2	5	15.000	75.000	
252	TRƯƠNG NGỌC VÂN	9A2	5	15.000	75.000	
253	TRƯƠNG LONG VŨ	9A2	5	15.000	75.000	
II	HỌC SINH THPT				37.500.000	
1	HOÀNG MAI ANH	10A1	5	20.000	100.000	
2	NGUYỄN HẢI ANH	10A1	5	20.000	100.000	
3	LÊ NGỌC ÁNH	10A1	5	20.000	100.000	
4	CHU DIỆU CHÂU	10A1	5	20.000	100.000	
5	NGUYỄN DIỆU LINH CHI	10A1	5	20.000	100.000	
6	ĐỖ TRIỆU NGỌC DIỄM	10A1	5	20.000	100.000	
7	TRIỆU THỊ DUNG	10A1	5	20.000	100.000	
8	PHẠM VĂN DUY	10A1	5	20.000	100.000	
9	NGUYỄN THỊ HẢI DƯƠNG	10A1	5	20.000	100.000	
10	BÙI THÀNH ĐẠT	10A1	5	20.000	100.000	
11	TRIỆU THỊ HÀ	10A1	5	20.000	100.000	
12	PHẠM VÕ HIỆP	10A1	5	20.000	100.000	
13	BÀN VĂN HUY	10A1	5	20.000	100.000	
14	LÝ SINH HÙNG	10A1	5	20.000	100.000	
15	VŨ DUY HÙNG	10A1	5	20.000	100.000	
16	BÀN THỊ HOÀI LINH	10A1	5	20.000	100.000	
17	GIÁP NGUYỄN PHƯƠNG LINH	10A1	5	20.000	100.000	
18	TRẦN PHƯƠNG LINH	10A1	5	20.000	100.000	
19	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	10A1	5	20.000	100.000	
20	NGUYỄN ĐỨC MINH	10A1	5	20.000	100.000	
21	TRƯƠNG CÔNG MINH	10A1	5	20.000	100.000	
22	NGUYỄN THỊ THẢO MY	10A1	5	20.000	100.000	
23	TRẦN THỊ TRÀ MY	10A1	5	20.000	100.000	
24	TRƯƠNG THẢO MY	10A1	5	20.000	100.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
25	ĐẶNG HOA NGÂN	10A1	5	20.000	100.000	
26	LÝ THỊ HỒNG NGỌC	10A1	5	20.000	100.000	
27	VI THỐNG NHẤT	10A1	5	20.000	100.000	
28	NGỌC LINH NHI	10A1	5	20.000	100.000	
29	TRƯƠNG THỊ NHI	10A1	5	20.000	100.000	
30	LÝ HOÀI NHƯ	10A1	5	20.000	100.000	
31	HOÀNG THANH PHONG	10A1	5	20.000	100.000	
32	TRIỆU QUÝ PHÚ	10A1	5	20.000	100.000	
33	LÝ NGUYỄN THÁI SƠN	10A1	5	20.000	100.000	
34	NGÔ NGỌC THẢO	10A1	5	20.000	100.000	
35	BÙI GIA TRANG	10A1	5	20.000	100.000	
36	BÀN THỊ QUỲNH TRÂM	10A1	5	20.000	100.000	
37	ĐẶNG THUY TRÂM	10A1	5	20.000	100.000	
38	CHU BẢO TRÂN	10A1	5	20.000	100.000	
39	NGUYỄN ÁNH TUYẾT	10A1	5	20.000	100.000	
40	NGUYỄN ANH TÚ	10A1	5	20.000	100.000	
41	TRƯƠNG THÚY VI	10A1	5	20.000	100.000	
42	VŨ KHÁNH VI	10A1	5	20.000	100.000	
43	NGÔ QUANG VINH	10A1	5	20.000	100.000	
44	ĐẶNG THỊ VY YẾN	10A1	5	20.000	100.000	
45	TRIỆU KIM AN	10A2	5	20.000	100.000	
46	BÀN GIA BẢO	10A2	5	20.000	100.000	
47	TRƯƠNG GIA BẢO	10A2	5	20.000	100.000	
48	PHẠM ĐOÀN PHI BẰNG	10A2	5	20.000	100.000	
49	LÝ THỊ NGỌC DIỆP	10A2	5	20.000	100.000	
50	TỔNG KHÁNH DƯƠNG	10A2	5	20.000	100.000	
51	NGỌC XUÂN ĐĂNG	10A2	5	20.000	100.000	
52	VŨ HẢI ĐĂNG	10A2	5	20.000	100.000	
53	TRẦN TIẾN ĐỨC	10A2	5	20.000	100.000	
54	NGUYỄN DUY HÙNG	10A2	5	20.000	100.000	
55	TRẦN VĂN HÙNG	10A2	5	20.000	100.000	
56	TRƯƠNG THẾ KIÊN	10A2	5	20.000	100.000	
57	LÝ ANH KIỆT	10A2	5	20.000	100.000	
58	HOÀNG LÊ TÙNG LÂM	10A2	5	20.000	100.000	
59	TRƯƠNG THÀNH LỘC	10A2	5	20.000	100.000	
60	NGÔ TUẤN LỤC	10A2	5	20.000	100.000	
61	PHẠM HẢI NAM	10A2	5	20.000	100.000	
62	BÀN VĂN NGHĨA	10A2	5	20.000	100.000	
63	ĐẶNG TIẾN NGHĨA	10A2	5	20.000	100.000	
64	TRƯƠNG THỊ QUỲNH NHƯ	10A2	5	20.000	100.000	
65	ĐẶNG THỊ MAI PHƯƠNG	10A2	5	20.000	100.000	
66	TRẦN DUY QUANG	10A2	5	20.000	100.000	
67	NGÔ TRUNG QUÂN	10A2	5	20.000	100.000	
68	NGUYỄN ĐỨC QUÂN	10A2	5	20.000	100.000	
69	TRIỆU KIM QUÂN	10A2	5	20.000	100.000	
70	NGUYỄN THÀNH SƠN	10A2	5	20.000	100.000	
71	DƯƠNG ĐỨC TÂM	10A2	5	20.000	100.000	
72	TRƯƠNG VĂN THÁI	10A2	5	20.000	100.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
73	ĐẶNG THỊ THẢO	10A2	5	20.000	100.000	
74	NGỌC PHƯƠNG THẢO	10A2	5	20.000	100.000	
75	TRIỆU THỊ THẨM	10A2	5	20.000	100.000	
76	BÀN HẢI THIÊN	10A2	5	20.000	100.000	
77	TRIỆU QUÝ THIÊN	10A2	5	20.000	100.000	
78	ĐỖ VĂN THỊNH	10A2	5	20.000	100.000	
79	TRẦN KIM THU	10A2	5	20.000	100.000	
80	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	10A2	5	20.000	100.000	
81	CHU BẢO THY	10A2	5	20.000	100.000	
82	NGUYỄN MINH TIẾN	10A2	5	20.000	100.000	
83	TRIỆU QUÝ TÙNG	10A2	5	20.000	100.000	
84	DỊP ĐỨC VIỆT	10A2	5	20.000	100.000	
85	TRƯƠNG TRIỆU TUẤN VŨ	10A2	5	20.000	100.000	
86	TẠ THỊ HẢI YẾN	10A2	5	20.000	100.000	
87	TRIỆU QUÝ AN	10A3	5	20.000	100.000	
88	CHU THỊ NGỌC ANH	10A3	5	20.000	100.000	
89	HOÀNG CHÂU ANH	10A3	5	20.000	100.000	
90	TRƯƠNG KIM ANH	10A3	5	20.000	100.000	
91	ĐẶNG GIA BẢO	10A3	5	20.000	100.000	
92	PHẠM THUY CHI	10A3	5	20.000	100.000	
93	TRIỆU THỊ DUYÊN	10A3	5	20.000	100.000	
94	TRƯƠNG CHÍ DŨNG	10A3	5	20.000	100.000	
95	LƯƠNG THẾ DƯƠNG	10A3	5	20.000	100.000	
96	HOÀNG VIỆT ĐỨC	10A3	5	20.000	100.000	
97	VŨ BUI HUY HIỆU	10A3	5	20.000	100.000	
98	ĐẶNG LƯU VIỆT HOA	10A3	5	20.000	100.000	
99	NGUYỄN THỊ THANH HOA	10A3	5	20.000	100.000	
100	BÀN THỊ HUYỀN	10A3	5	20.000	100.000	
101	DƯƠNG NAM KHÁNH	10A3	5	20.000	100.000	
102	BÀN NHẬT LAM	10A3	5	20.000	100.000	
103	ĐINH PHƯƠNG LINH	10A3	5	20.000	100.000	
104	GIÁP HẢI LÝ	10A3	5	20.000	100.000	
105	ÂN HỮU MINH	10A3	5	20.000	100.000	
106	TRIỆU THỊ MY	10A3	5	20.000	100.000	
107	BÀN BẢO NGỌC	10A3	5	20.000	100.000	
108	LÝ VĂN NGUYỄN	10A3	5	20.000	100.000	
109	PHẠM HỒNG NHUNG	10A3	5	20.000	100.000	
110	LINH THỊ MỸ NƯƠNG	10A3	5	20.000	100.000	
111	TRIỆU QUÝ PHÁT	10A3	5	20.000	100.000	
112	ĐẶNG QUANG PHONG	10A3	5	20.000	100.000	
113	TRẦN GIA PHONG	10A3	5	20.000	100.000	
114	ĐÀM THỊ QUYÊN	10A3	5	20.000	100.000	
115	NGUYỄN THỊ TÚ QUYÊN	10A3	5	20.000	100.000	
116	TRIỆU THỊ QUYÊN	10A3	5	20.000	100.000	
117	TRƯƠNG LINH SƠN	10A3	5	20.000	100.000	
118	TRẦN LÝ THU THẢO	10A3	5	20.000	100.000	
119	NGÔ BẢO THỊ	10A3	5	20.000	100.000	
120	NGUYỄN HOÀNG BẢO THU	10A3	5	20.000	100.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
121	ĐẶNG MINH THƯ	10A3	5	20.000	100.000	
122	ĐẶNG VĂN TOẠI	10A3	5	20.000	100.000	
123	NGỌC XUÂN TRƯỜNG	10A3	5	20.000	100.000	
124	TRƯỜNG ANH TUẤN	10A3	5	20.000	100.000	
125	LƯU ÁNH TUYẾT	10A3	5	20.000	100.000	
126	CHU VI PHÚC UY	10A3	5	20.000	100.000	
127	TRƯỜNG BẢO UY	10A3	5	20.000	100.000	
128	ĐẶNG QUỐC VIỆT	10A3	5	20.000	100.000	
129	HOÀNG ANH VIỆT	10A3	5	20.000	100.000	
130	HOÀNG HÀ VY	10A3	5	20.000	100.000	
131	BÀNG DUY AN	11A1	5	20.000	100.000	
132	HÀ THỊ MINH ANH	11A1	5	20.000	100.000	
133	LƯƠNG QUỲNH ANH	11A1	5	20.000	100.000	
134	CHU HƯƠNG CẨM	11A1	5	20.000	100.000	
135	ĐẶNG NGỌC CHÂM	11A1	5	20.000	100.000	
136	ĐINH DIỆU CHÂU	11A1	5	20.000	100.000	
137	LINH NGỌC DIỆP	11A1	5	20.000	100.000	
138	NGUYỄN ĐẠT DU	11A1	5	20.000	100.000	
139	LÝ VĂN DŨNG	11A1	5	20.000	100.000	
140	ĐINH THỊ ĐÀO	11A1	5	20.000	100.000	
141	ĐỖ TIẾN ĐẠT	11A1	5	20.000	100.000	
142	LÊ NGỌC HẢI ĐĂNG	11A1	5	20.000	100.000	
143	ĐINH THẾ HẠNH	11A1	5	20.000	100.000	
144	TRƯỜNG MỸ HẠNH	11A1	5	20.000	100.000	
145	GIÁP MINH HẰNG	11A1	5	20.000	100.000	
146	VŨ MAI HÒA	11A1	5	20.000	100.000	
147	CHU THỊ THIÊN HƯƠNG	11A1	5	20.000	100.000	
148	HOÀNG TRUNG KIÊN	11A1	5	20.000	100.000	
149	HOÀNG TRUNG KIÊN	11A1	5	20.000	100.000	
150	TRƯỜNG VỆ KIÊN	11A1	5	20.000	100.000	
151	LÊ THỊ DIỆU LINH	11A1	5	20.000	100.000	
152	NGUYỄN THÙY LINH	11A1	5	20.000	100.000	
153	PHẠM KHÁNH LINH	11A1	5	20.000	100.000	
154	HOÀNG GIA LONG	11A1	5	20.000	100.000	
155	LÝ THỊ LY	11A1	5	20.000	100.000	
156	ĐẶNG THỊ MAI	11A1	5	20.000	100.000	
157	LÝ THỊ MAI	11A1	5	20.000	100.000	
158	GIÁP MINH NGUYỆT	11A1	5	20.000	100.000	
159	LÂM THẢO NHI	11A1	5	20.000	100.000	
160	ĐẶNG THỊ GIA NHƯ	11A1	5	20.000	100.000	
161	NGUYỄN HỒNG PHONG	11A1	5	20.000	100.000	
162	ĐẶNG THẾ PHƯƠNG	11A1	5	20.000	100.000	
163	TRƯỜNG VĂN TAM	11A1	5	20.000	100.000	
164	TRIỆU VĂN THỊNH	11A1	5	20.000	100.000	
165	TRƯỜNG QUANG THỌ	11A1	5	20.000	100.000	
166	CHU THANH THƯ	11A1	5	20.000	100.000	
167	TRIỆU THỊ THƯ	11A1	5	20.000	100.000	
168	LÊ QUỲNH TRANG	11A1	5	20.000	100.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
169	TRIỆU THỊ TRANG	11A1	5	20.000	100.000	
170	LÝ THỊ THÙY TRÂM	11A1	5	20.000	100.000	
171	TRƯƠNG THỊ VÂN	11A1	5	20.000	100.000	
172	LINH TÀI VINH	11A1	5	20.000	100.000	
173	ĐẶNG THỊ YẾN VY	11A1	5	20.000	100.000	
174	BÀN MINH ANH	11A2	5	20.000	100.000	
175	GIÁP VIỆT ANH	11A2	5	20.000	100.000	
176	NGUYỄN HÀ ANH	11A2	5	20.000	100.000	
177	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	11A2	5	20.000	100.000	
178	TRIỆU THỊ ANH	11A2	5	20.000	100.000	
179	TRƯƠNG THỊ LAN ANH	11A2	5	20.000	100.000	
180	TRIỆU QUÝ ÂN	11A2	5	20.000	100.000	
181	TRIỆU QUÝ BÌNH	11A2	5	20.000	100.000	
182	TRƯƠNG THỊ DIỆU CHÂU	11A2	5	20.000	100.000	
183	BÀN HỮU CHỨC	11A2	5	20.000	100.000	
184	LÝ ĐỨC CÔNG	11A2	5	20.000	100.000	
185	TRƯƠNG VIỆT CƯỜNG	11A2	5	20.000	100.000	
186	TRẦN VIỆT DUY	11A2	5	20.000	100.000	
187	TRƯƠNG ĐỨC DUY	11A2	5	20.000	100.000	
188	CHU THỊ DƯƠNG	11A2	5	20.000	100.000	
189	TRẦN NGỌC DƯƠNG	11A2	5	20.000	100.000	
190	TRƯƠNG THÙY DƯƠNG	11A2	5	20.000	100.000	
191	NGUYỄN VĂN ĐẠT	11A2	5	20.000	100.000	
192	TRIỆU TIẾN ĐẠT	11A2	5	20.000	100.000	
193	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	11A2	5	20.000	100.000	
194	LÝ THỊ DIỆP	11A2	5	20.000	100.000	
195	LÝ THỊ HÀNH	11A2	5	20.000	100.000	
196	ĐẶNG HOÀNG HẢI	11A2	5	20.000	100.000	
197	LÊ HOÀNG HẢI	11A2	5	20.000	100.000	
198	NGUYỄN ĐỨC HẢI	11A2	5	20.000	100.000	
199	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	11A2	5	20.000	100.000	
200	ĐẶNG MINH HIẾU	11A2	5	20.000	100.000	
201	LÝ TRỌNG HIẾU	11A2	5	20.000	100.000	
202	BÀN HỮU HOÀNG	11A2	5	20.000	100.000	
203	LINH TÀI HOÀNG	11A2	5	20.000	100.000	
204	LỤC VĂN KHÁNH	11A2	5	20.000	100.000	
205	ĐẶNG TRUNG KIÊN	11A2	5	20.000	100.000	
206	ĐẶNG VĂN LƯU	11A2	5	20.000	100.000	
207	NGUYỄN BÁ NGUYỄN	11A2	5	20.000	100.000	
208	TRIỆU YẾN NINH	11A2	5	20.000	100.000	
209	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	11A2	5	20.000	100.000	
210	BÀN TRÙNG QUÂN	11A2	5	20.000	100.000	
211	VŨ MINH SANG	11A2	5	20.000	100.000	
212	TRIỆU THỊ THƯƠNG	11A2	5	20.000	100.000	
213	BÙI ANH TUẤN	11A2	5	20.000	100.000	
214	ĐẶNG ĐỨC TUẤN	11A2	5	20.000	100.000	
215	LÊ TRƯƠNG TUẤN	11A2	5	20.000	100.000	
216	ĐẶNG MINH TUỆ	11A2	5	20.000	100.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
217	TRƯƠNG VĂN QUANG VINH	11A2	5	20.000	100.000	
218	LÝ VĂN BÚT	11A3	5	20.000	100.000	
219	ĐỖ NGỌC MINH CHÂU	11A3	5	20.000	100.000	
220	BÀN VĂN HOÀNG	11A3	5	20.000	100.000	
221	GIÁP MẠNH HOÀNG	11A3	5	20.000	100.000	
222	TRIỆU QUÝ HOÀNG	11A3	5	20.000	100.000	
223	CHU KHÁNH HƯNG	11A3	5	20.000	100.000	
224	TRIỆU QUÝ HƯNG	11A3	5	20.000	100.000	
225	ĐẶNG THUY HƯƠNG	11A3	5	20.000	100.000	
226	NGỌC DUY KHÁNH	11A3	5	20.000	100.000	
227	NGỌC MINH KHUÊ	11A3	5	20.000	100.000	
228	LÃ HỒNG KHUYÊN	11A3	5	20.000	100.000	
229	NGUYỄN ĐÌNH KIÊN	11A3	5	20.000	100.000	
230	ĐẶNG KIỀU KIỀU	11A3	5	20.000	100.000	
231	BÀN DIỆU LINH	11A3	5	20.000	100.000	
232	NGỌC TRANG LINH	11A3	5	20.000	100.000	
233	TRƯƠNG HOÀI LINH	11A3	5	20.000	100.000	
234	TẠ THỊ BÍCH LOAN	11A3	5	20.000	100.000	
235	BÀN THỊ MAI LY	11A3	5	20.000	100.000	
236	VŨ ĐỨC MẠNH	11A3	5	20.000	100.000	
237	LINH TÀI MINH	11A3	5	20.000	100.000	
238	LÝ THỊ MY	11A3	5	20.000	100.000	
239	HOÀNG BẢO NGỌC	11A3	5	20.000	100.000	
240	NGUYỄN THỊ UYÊN NHI	11A3	5	20.000	100.000	
241	MAI HÀ PHƯƠNG	11A3	5	20.000	100.000	
242	BÀN HỮU THANH	11A3	5	20.000	100.000	
243	BÀN THỊ THU	11A3	5	20.000	100.000	
244	ĐÌNH THỊ HOÀI THU	11A3	5	20.000	100.000	
245	LINH TÀI THUẬN	11A3	5	20.000	100.000	
246	PHẠM MINH THUY	11A3	5	20.000	100.000	
247	LÝ THỊ THỦY	11A3	5	20.000	100.000	
248	NGUYỄN ANH THƯ	11A3	5	20.000	100.000	
249	NGUYỄN ANH THƯ	11A3	5	20.000	100.000	
250	TRIỆU THỊ THƯ	11A3	5	20.000	100.000	
251	TRƯƠNG ANH THƯ	11A3	5	20.000	100.000	
252	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG	11A3	5	20.000	100.000	
253	VŨ HUYỀN THƯƠNG	11A3	5	20.000	100.000	
254	LƯƠNG VĂN TIẾN	11A3	5	20.000	100.000	
255	ĐÌNH THỊ TRANG	11A3	5	20.000	100.000	
256	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRÂM	11A3	5	20.000	100.000	
257	LÊ XUÂN TRUNG	11A3	5	20.000	100.000	
258	ĐẶNG MINH TUẤN	11A3	5	20.000	100.000	
259	TRIỆU QUÝ TUỆ	11A3	5	20.000	100.000	
260	BÀN ĐỨC VIỆT	11A3	5	20.000	100.000	
261	CHU THỊ HẢI YẾN	11A3	5	20.000	100.000	
262	TRIỆU QUÝ DOANH	12A1	5	20.000	100.000	
263	LÝ SINH DUY	12A1	5	20.000	100.000	
264	TRIỆU VĂN DUY	12A1	5	20.000	100.000	



TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
265	PHẠM THU HẰNG	12A1	5	20.000	100.000	
266	CHU MINH HIẾU	12A1	5	20.000	100.000	
267	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	12A1	5	20.000	100.000	
268	TRIỆU QUÝ HOÀNG	12A1	5	20.000	100.000	
269	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	12A1	5	20.000	100.000	
270	VŨ ANH KHOA	12A1	5	20.000	100.000	
271	BÀN THỊ MỸ NHẬN	12A1	5	20.000	100.000	
272	TRIỆU QUÝ NHẬT	12A1	5	20.000	100.000	
273	ĐINH THỊ NHUNG	12A1	5	20.000	100.000	
274	LÝ THỊ NHƯ	12A1	5	20.000	100.000	
275	LÃ TIỀN QUANG	12A1	5	20.000	100.000	
276	LIÊU THẾ QUANG	12A1	5	20.000	100.000	
277	LÝ VIỆT RỪNG	12A1	5	20.000	100.000	
278	ĐỖ PHÚC XUÂN SƠN	12A1	5	20.000	100.000	
279	NGUYỄN THÁI SƠN	12A1	5	20.000	100.000	
280	PHẠM PHƯƠNG THẢO	12A1	5	20.000	100.000	
281	LÃ QUỐC THẮNG	12A1	5	20.000	100.000	
282	BÀN TRÙNG THIÊN	12A1	5	20.000	100.000	
283	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	12A1	5	20.000	100.000	
284	VƯƠNG THỊ THÙY	12A1	5	20.000	100.000	
285	TRẦN THỊ THƯƠNG	12A1	5	20.000	100.000	
286	BÀNG CÔNG TIẾN	12A1	5	20.000	100.000	
287	LÊ THU TRANG	12A1	5	20.000	100.000	
288	HOÀNG BẢO TRÂM	12A1	5	20.000	100.000	
289	DƯƠNG MẠNH TUẤN	12A1	5	20.000	100.000	
290	NGUYỄN ANH TUẤN	12A1	5	20.000	100.000	
291	LÝ DUY VĂN	12A1	5	20.000	100.000	
292	GIÁP THỊ YẾN VI	12A1	5	20.000	100.000	
293	TRẦN THẢO VI	12A1	5	20.000	100.000	
294	TRẦN MINH VIỆN	12A1	5	20.000	100.000	
295	TRIỆU QUÝ VĨ	12A1	5	20.000	100.000	
296	LÝ ANH VŨ	12A1	5	20.000	100.000	
297	BÀN DƯƠNG VƯƠNG	12A1	5	20.000	100.000	
298	NGUYỄN HOÀNG YẾN	12A1	5	20.000	100.000	
299	VI HẢI YẾN	12A1	5	20.000	100.000	
300	NGUYỄN VĂN ANH	12A2	5	20.000	100.000	
301	PHẠM LÊ NHẬT ANH	12A2	5	20.000	100.000	
302	NGÔ QUỐC BÌNH	12A2	5	20.000	100.000	
303	VƯƠNG THANH BÌNH	12A2	5	20.000	100.000	
304	TRIỆU TIẾN CƯỜNG	12A2	5	20.000	100.000	
305	BÙI ÁNH DƯƠNG	12A2	5	20.000	100.000	
306	NGUYỄN QUANG DƯƠNG	12A2	5	20.000	100.000	
307	NGÔ QUANG ĐẠI	12A2	5	20.000	100.000	
308	HOÀNG THÀNH ĐẠT	12A2	5	20.000	100.000	
309	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	12A2	5	20.000	100.000	
310	BÀNG VĂN ĐỨC	12A2	5	20.000	100.000	
311	NGUYỄN THỊ GIANG	12A2	5	20.000	100.000	
312	ĐẶNG VĂN HẢI	12A2	5	20.000	100.000	

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
313	TRIỆU THỊ HIÊN	12A2	5	20.000	100.000	
314	PHẠM THÚY HIÊN	12A2	5	20.000	100.000	
315	TRƯƠNG THỊ HUYỀN	12A2	5	20.000	100.000	
316	NGUYỄN VĂN HÙNG	12A2	5	20.000	100.000	
317	BÀN TIỀN HÙNG	12A2	5	20.000	100.000	
318	LÝ TUẤN KHIÊM	12A2	5	20.000	100.000	
319	TRƯƠNG VĂN LÂM	12A2	5	20.000	100.000	
320	NGUYỄN BẢO LINH	12A2	5	20.000	100.000	
321	BÙI NGUYỄN DUY LONG	12A2	5	20.000	100.000	
322	VŨ CÔNG MINH	12A2	5	20.000	100.000	
323	NGÔ PHƯƠNG MY	12A2	5	20.000	100.000	
324	TRƯƠNG PHƯƠNG NAM	12A2	5	20.000	100.000	
325	BÙI MINH NGUYỆT	12A2	5	20.000	100.000	
326	TRƯƠNG ĐỨC NHẬT	12A2	5	20.000	100.000	
327	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	12A2	5	20.000	100.000	
328	NGỌC QUỲNH NHƯ	12A2	5	20.000	100.000	
329	HOÀNG NGUYỄN PHONG	12A2	5	20.000	100.000	
330	BÀN TIỀN QUẢNG	12A2	5	20.000	100.000	
331	TRIỆU THỊ QUYÊN	12A2	5	20.000	100.000	
332	LÝ VĂN QUYÊN	12A2	5	20.000	100.000	
333	TẠ THỊ QUỲNH	12A2	5	20.000	100.000	
334	HOÀNG THỊ MỸ TÂM	12A2	5	20.000	100.000	
335	HOÀNG VĂN THIỆN	12A2	5	20.000	100.000	
336	DƯƠNG THỊ THU	12A2	5	20.000	100.000	
337	BÙI NGỌC TRAI	12A2	5	20.000	100.000	
338	HOÀNG ANH TUẤN	12A2	5	20.000	100.000	
339	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ÁNH	12A3	5	20.000	100.000	
340	TRẦN NGỌC ÁNH	12A3	5	20.000	100.000	
341	TRƯƠNG VĂN BẢO	12A3	5	20.000	100.000	
342	TRẦN NGỌC CHÂM	12A3	5	20.000	100.000	
343	NỊNH QUANG CHUNG	12A3	5	20.000	100.000	
344	TRƯƠNG THỊ HỒNG DIỆP	12A3	5	20.000	100.000	
345	HOÀNG BÍCH DUYÊN	12A3	5	20.000	100.000	
346	ĐẶNG VĂN DŨNG	12A3	5	20.000	100.000	
347	TRƯƠNG THỊ DIỆP	12A3	5	20.000	100.000	
348	ĐẶNG THỊ ĐOAN	12A3	5	20.000	100.000	
349	TRƯƠNG VĂN HẢI	12A3	5	20.000	100.000	
350	TRIỆU VĂN HUY	12A3	5	20.000	100.000	
351	VŨ QUỐC HUY	12A3	5	20.000	100.000	
352	NGỌC CHẤN HUYỆN	12A3	5	20.000	100.000	
353	KHÚC THỂ HÙNG	12A3	5	20.000	100.000	
354	LÝ THỊ KHUYÊN	12A3	5	20.000	100.000	
355	TRƯƠNG TUYẾT LỆ	12A3	5	20.000	100.000	
356	HOÀNG KHÁNH LY	12A3	5	20.000	100.000	
357	BÀN VĂN MỪNG	12A3	5	20.000	100.000	
358	VƯƠNG THỊ MỸ	12A3	5	20.000	100.000	
359	NGUYỄN TRÚC NGÂN	12A3	5	20.000	100.000	
360	NGUYỄN THỂ NGỌC	12A3	5	20.000	100.000	



TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Số tháng hưởng hỗ trợ	Mức học phí hỗ trợ (đồng/tháng)	Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
361	VI MINH NGỌC	12A3	5	20.000	100.000	
362	ĐẶNG THỊ NHƯ NGUYỆT	12A3	5	20.000	100.000	
363	LINH THỊ NHƯ	12A3	5	20.000	100.000	
364	LÝ THU PHƯƠNG	12A3	5	20.000	100.000	
365	TRẦN VĂN PHƯỚC	12A3	5	20.000	100.000	
366	NGUYỄN HỒNG QUÂN	12A3	5	20.000	100.000	
367	HOÀNG TUẤN QUỲNH	12A3	5	20.000	100.000	
368	LÝ VĂN THÀNH	12A3	5	20.000	100.000	
369	LÝ VĂN THẠCH	12A3	5	20.000	100.000	
370	ĐẶNG MINH THU	12A3	5	20.000	100.000	
371	BÀN VĂN THƯỜNG	12A3	5	20.000	100.000	
372	HOÀNG THỊ THƯƠNG	12A3	5	20.000	100.000	
373	LÝ THỊ THƯƠNG	12A3	5	20.000	100.000	
374	TRẦN BẢO VÂN	12A3	5	20.000	100.000	
375	NGUYỄN QUỐC VIỆT	12A3	5	20.000	100.000	
628	TỔNG CỘNG (= I + II)				56.475.000	

Tổng số tiền hỗ trợ:

56.475.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi sáu triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

Hạ Long, ngày 31 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thúy Vân



Lê Thị Kim Thu